

Tên đề tài: Phân tích cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta hiện nay và ích lợi của việc sử dụng cơ cấu nhiều thành phần đó vào phát triển Kinh tế – Xã hội trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở VN.

A. Phần mở đầu

Trên thế giới hiện nay là các quốc gia đang cố gắng xây dựng mô hình kinh tế có sự kết hợp giữa kế hoạch và thị trường, mà trong đó cơ cấu kinh tế nhiều thành phần là cốt lõi. Riêng đối với nước ta, sau một thời gian dài duy trì mô hình kinh tế tập trung đã thấy sự không phù hợp của nó. Chính vì vậy, năm 1986, Đại hội Đảng VI đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện nền kinh tế xã hội nhằm đưa đất nước dần thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng vào những năm cuối thập kỷ 80. Đây là cái mốc quan trọng đánh dấu sự ra đời của kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN. Tiếp đó đại hội Đảng VII, VIII, IX tiếp tục hoàn thiện và cụ thể hoá bằng các chính sách, cơ chế nhằm kiên trì xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, trong đó giữ vững vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Hiện nay nền kinh tế nhiều thành phần nước ta đang trong quá trình chuyển đổi. Các thành phần kinh tế này đan xen vào nhau, vừa hợp tác, vừa cạnh tranh với nhau luôn vận động và có sự chuyển hoá trong quá trình phát triển. Phân tích cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và ích lợi của nó có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc phát triển Kinh tế – Xã hội trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Biết những mặt mạnh để phát huy và những mặt hạn chế cần khắc phục, chúng ta sẽ xây dựng được một nền kinh tế phát triển hoàn thiện và vững chắc, đưa đất nước ra khỏi đói nghèo, phát triển toàn diện về mọi mặt, sánh ngang cùng các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

Bài viết này của em không thể tránh sự thiếu sót, em rất mong nhận được sự giúp đỡ của thầy để em hoàn thành bản đề án này, em xin chân thành cảm ơn thầy.

B. Nội Dung

I. QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VỀ VẤN ĐỀ TỒN TẠI NHIỀU THÀNH PHẦN KINH TẾ TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ (TKQĐ) LÊN CNXH.

1. Theo Lênin:

Đặc điểm cơ bản nhất của TKQĐ là sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần và xã hội nhiều giai cấp. Trong TKQĐ, nền kinh tế có tính chất quá độ. Nó không còn là nền kinh tế TBCN, nhưng cũng chưa là nền kinh tế XHCN. V.I. Lênin chỉ ra: “Danh từ quá độ có nghĩa là gì ? Vận dụng vào kinh tế, có phải nó có nghĩa là trong chế độ hiện nay, có những thành phần, những bộ phận những mảng của CNTB và CNXH không? Bất cứ ai cũng đều thừa nhận là có, song vấn đề cơ bản là phải xem xét nước mình tồn tại những thành phần kinh tế nào.”

Trong TKQĐ, chưa có thành phần kinh tế nào giữ vai trò thống trị, chi phối các thành phần kinh tế khác, mà chúng chỉ là những mảnh, những bộ phận hợp thành kết cấu kinh tế-XH trong một hệ thống thống nhất biện chứng. Mỗi thành phần kinh tế có kiểu tổ chức sản xuất kinh doanh của nó, hợp thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần.

2.Theo Mác và Angghen:

Kinh tế Nhà nước là một bộ phận quan trọng, nó ra đời từ sự chín muồi của các tiền đề kinh tế-XH.

II. CƠ CẤU KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN TRONG THỜI KÌ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM:

1.The nào là thành phần kinh tế(TPKT):

Thành phần kinh tế là những khu vực kinh tế, những hình thức kinh tế dựa trên những hình thức sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất và thích ứng với trình độ nhất định của lực lượng sản xuất. Như vậy, khi định nghĩa TPKT phải căn cứ vào quan hệ kinh tế mà trước hết là quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất, do đó TPKT cũng có nghĩa là chế độ kinh tế. Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, người ta không sử dụng thuật ngữ TPKT mà dùng thuật ngữ khu vực kinh tế (KVKT), nhưng cũng căn cứ vào vốn, tài sản thuộc về ai, nếu đó thuộc về nhà nước thì là KVKT nhà nước, nếu thuộc về tư nhân, đó là KVKT tư nhân.

2. Cơ sở khách quan của việc tồn tại kinh tế nhiều thành phần trong TKQĐ lên CNXH

- Khi cách mạng thành công, chúng ta phải tiếp thu nền sản xuất do xã hội trước để lại, bên cạnh nền sản xuất lớn tư bản dựa trên tư hữu lớn tư bản về tư liệu sản xuất (TLSX) thì tồn tại sản xuất nhỏ của những nông dân, thợ thủ công dựa trên tư hữu nhỏ về tư liệu sản xuất. Chúng đều là đối tượng cải tạo theo CNXH nhưng bằng những biện pháp khác nhau:

+Đối với tư hữu lớn TBCN chúng ta thực hiện quốc hữu hóa XHCN (không hoặc có bồi thường) để chuyển thành sở hữu toàn dân do nhà nước thống nhất quản lý. Quốc hữu hóa là chia theo từng giai đoạn. Giai đoạn đầu quốc hữu

hóa những doanh nghiệp quan trọng và lớn. Tiếp theo đến những doanh nghiệp vừa và cuối cùng là các doanh nghiệp nhỏ. Điều này rất có lợi về kinh tế chính trị. Vì vậy, dù muốn hay không trong TKQĐ vẫn còn tồn tại kinh tế TB tư nhân.

+ Đối với tư hữu nhỏ nông dân, thợ thủ công .. chúng ta cải tạo thông qua con đường hợp tác hóa để chuyển từ kinh tế cá thể thành kinh tế tập thể dưới các loại hình HTX khác nhau, mà hợp tác hóa dựa trên nhiều nguyên tắc trong đó nguyên tắc cơ bản nhất là tự nguyện vì vậy phải có thời gian. Do đó dù muốn hay không trong TKQĐ vẫn còn tồn tại kinh tế cá thể, tiểu chủ là tất yếu khách quan.

+ Nhà nước đầu tư xây dựng mới các doanh nghiệp của nhà nước thuộc sở hữu toàn dân, đây là chỗ dựa kinh tế cho nhà nước.

- Sự phát triển kinh tế ở mỗi quốc gia không đều về LLSX giữa các ngành các vùng, các doanh nghiệp. Chính sự phát triển không đều đó quyết định QHSX, trước hết là hình thức, quy mô và quan hệ sở hữu phải phù hợp với nó, nghĩa là tồn tại các quan hệ sở hữu không giống nhau.

- Với đường lối đổi mới và phát triển nền kinh tế mở, từ đó hình thành nên các doanh nghiệp liên doanh giữa nước ta với nước ngoài hoặc doanh nghiệp có 100% vốn của nước ngoài. Nhà nước cùng các nhà tư bản, các công ty trong và ngoài nước, hình thành kinh tế tư bản nhà nước.

Như vậy, việc thừa nhận cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ không những có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn trong thực tiễn.

3. Thực trạng nền kinh tế nước ta khi bước vào thời kỳ quá độ.

Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ điểm xuất phát thấp, nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nhỏ, tự cấp tự túc, còn ở tình trạng phổ biến của TSX giản đơn, LLSX lạc hậu, năng suất lao động thấp, QHSX còn yếu kém gây khó khăn cản trở cho sự phát triển và tăng trưởng kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đang

trong thời kì hình thành, thu nhập quốc dân đầu người thấp, là một trong số quốc gia nghèo và chậm phát triển.

4. Phân tích các thành phần kinh tế tồn tại ở Việt Nam mà đại hội Đảng IX đã nêu:

4.1 Thành phần kinh tế Nhà nước (TPKTNN)

a. Khái niệm:

TPKTNN lấy chủ sở hữu toàn dân làm cơ sở (hay còn gọi là sở hữu nhà nước). Nó là những đơn vị, tổ chức trực tiếp sản xuất kinh doanh mà toàn bộ nguồn lực thuộc sở hữu Nhà nước hoặc phần của toàn nhà nước chiếm tỉ lệ khống chế.

b. Hình thức tồn tại:

TPKTNN bao gồm các doanh nghiệp nhà nước (kinh tế quốc doanh), các tài sản thuộc sở hữu nhà nước (đất đai, tài nguyên, ngân hàng, tài chính, dự trữ quốc gia..)

- TPKTNN trước hết là các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp cổ phần được hình thành trên cơ sở :

- + Nhà nước đầu tư xây dựng
- + Quốc hữu hóa các doanh nghiệp tư bản tư nhân.
- + Góp cổ phần khống chế các doanh nghiệp tư nhân.

- Với bản chất nhà nước XHCN, nhà nước xác định đất đai, tài nguyên thiên nhiên, tài chính ngân hàng .. do nhà nước nắm giữ chi phối để điều tiết, định hướng sự phát triển kinh tế xã hội.

c. Thực trạng và xu thế phát triển:

Theo số liệu 1976-1990, đầu tư cho kinh tế quốc doanh mỗi năm chiếm tới 20% tổng chi ngân sách nhà nước nên kinh tế quốc doanh được tăng thêm năng lực mới : 1127 nghìn KW điện, 4,8 triệu tấn than, 1184 nghìn ha gieo trồng được tưới và 581,6 nghìn ha được tiêu, 831 nghìn ha được khai hoang. Các công trình quan trọng như thủy điện Hòa Bình, thủy điện Trị An, xi măng Hoàng Thạch, Bỉm Sơn, giấy Bãi Bằng, cầu Thăng long, cầu Chương Dương, Bến Thủy.. đã đưa vào hoạt động và phát huy tác dụng tích cực.

Do nhiều năm xây dựng nên nền kinh tế quốc doanh đã có năng lực đáng kể. Trong nông nghiệp, cả nước có 654 hồ, đập vừa và lớn, hơn 1000 cống tưới tiêu lớn với 10 nghìn máy bơm các loại, trên 2000 máy biến thế và gần 600 km đường dây điện cao thế với tổng công suất lắp đặt 20 vạn KW phục vụ tưới và 23 vạn KW phục vụ tiêu, 315 nông trường với trên 8000 máy kéo và 478 trại nhân giống. Trong công nghiệp, đã có 3020 XN quốc doanh, công suất điện 2700 MW, công suất dệt trên 400 triệu m, công suất giấy 16 vạn tấn, công suất xi măng 4,2 triệu tấn.. Trong GTVT có 105500 km đường bộ, 10732 chiếc cầu và 177 bến phà. Đường thủy có 19500 km nội địa và 7 cảng chính. Hàng không có 2 sân bay quốc tế và một số sân bay trong nước. Thương nghiệp quốc doanh có 17757 điểm bán hàng. Ngoài ra, còn có 753 cơ sở thuộc các ngành tài chính, ngân hàng và các hoạt động dịch vụ khác.

Tính chung kinh tế quốc doanh cho tới cuối năm 1989 có trên 12 nghìn cơ sở với 27817 tỉ đồng giá trị tài sản cố định theo nguyên giá.

Do có tiềm lực như vậy nên hàng năm kinh tế quốc doanh đã tạo ra 30-40% tổng sản phẩm xã hội (1981: 35,2%, 1985: 35,7%, 1990: 38,8%) và 20-30% thu nhập quốc dân (1981: 22,9%, 1985: 24,4%, 1990: 30%)

Nếu năm 94 số doanh nghiệp nhà nước có vốn dưới 1 tỷ đồng chiếm tới

50% tổng số doanh nghiệp nhà nước thì đến năm 2000 số đó chỉ còn 25%. Số doanh nghiệp có vốn 1 tỷ đồng tăng từ 10% lên 20%. Phần đóng góp của doanh nghiệp nhà nước chiếm gần 40% tổng nộp ngân sách và trên 50% kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Tỷ lệ đóng góp của doanh nghiệp nhà nước trong GDP tăng tương ứng từ 36,5% lên 40,2%. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước tăng từ 6,8% (1993) lên 12% năm 2000.

d. Vai trò và tác dụng.

*TPKTTN đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến, nó là chỗ dựa kinh tế cho nhà nước điều tiết vĩ mô, đảm bảo những cân đối chủ yếu cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Vai trò của nó trước hết thể hiện ở chỗ: Kinh tế quốc doanh nắm gần như toàn bộ ngành công nghiệp năng lượng (điện lực, khai thác than và dầu khí, khai khoáng, luyện kim, cơ khí chế tạo, sản xuất xi măng, phân bón thuốc trừ sâu và công nghiệp quốc phòng:

Trong sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp quốc doanh giữ vai trò chính trong một số sản phẩm quan trọng: 70% vải mặc, 85% giấy, 70% xe đạp, 60% xà phòng, 100% thuốc tân dược.

Trong xây dựng cơ bản, kinh tế quốc doanh đảm nhận hầu hết các công trình trên hạn ngạch và các công trình quan trọng quyết định triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân.

Trong giao thông vận tải, kinh tế quốc dân đảm nhận từng cung độ dài như vận tải Bắc Nam, vận tải ngoài nước.

Trong nông nghiệp, kinh tế quốc doanh là nơi cung cấp chủ yếu kỹ thuật nuôi trồng và các giống cây con cho năng suất cao. Nó đảm nhận nhiệm vụ tưới tiêu chính ở hệ thống kênh cấp I.

Trong lâm nghiệp khai thác được 25-30% sản lượng gỗ toàn ngành trong 1 năm.

Trong lưu thông phân phối, thương nghiệp quốc doanh có vai trò to lớn trong việc cung cấp và ổn định giá cả thị trường đối với những vật tư hàng hóa thiết yếu như xăng dầu, sắt thép, phân bón thuốc trừ sâu, xi măng, gạo và là lực lượng chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ xuất nhập khẩu.

Kinh tế quốc doanh nước ta cũng là lực lượng chủ yếu cung cấp tài chính cho ngân sách nhà nước. Tỷ lệ thu từ kinh tế quốc doanh thường chiếm 60-80% tổng thu ngân sách. Thu nhập thuần túy từ thu nhập quốc doanh hàng năm gấp nhiều lần so với thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh. Kinh tế quốc doanh thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước nghiêm chỉnh hơn các thành phần kinh tế khác.

Vai trò của kinh tế quốc doanh nếu chỉ đánh giá các mặt lượng trên thì chưa đủ vì nó còn có những mặt không thể lượng hóa được. Trong một số trường hợp kinh tế quốc doanh phải chịu lỗ để cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân phát triển, nhất là trong khi điều kiện phát triển kinh tế từ một cơ cấu lạc hậu nông nghiệp là phổ biến. Nhiều sản phẩm hoặc dịch vụ do kinh tế quốc doanh đảm nhận thường là đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế khác. Trách nhiệm xã hội của kinh tế quốc doanh còn thể hiện ở các mặt khác nữa như tạo việc làm, phân phối lại thu nhập quốc dân, đào tạo cán bộ quản lý và công nhân lành nghề, giảm bớt sự mất cân đối giữa các dân tộc, giữa các vùng kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế.

Bên cạnh đó kinh tế quốc doanh của ta trong thời gian qua đã bộc lộ một số điểm yếu, cần khắc phục. Đó là:

Do chủ quan, duy ý chí và nóng vội đi lên CNXH nên chúng ta đã mở rộng kinh tế quốc doanh quá mức chịu đựng của nền vật tư, tài lực hiện có và

quá khả năng quản lí ở các cấp các ngành .

Việc thành lập các cơ sở kinh tế quốc doanh lại không được chuẩn bị kĩ về cơ cấu ngành , điều kiện kinh tế kĩ thuật , thiếu các căn cứ cần thiết .

Những cơ sở kinh tế quốc doanh nhỏ là bộ phận chịu thua lỗ lớn nhất .

4.2. Thành phần kinh tế tập thể (TPKTTT).

a. Khái niệm :

TPKTTT dựa trên sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất , do những người lao động tự nguyện góp vốn vào để làm ăn tập thể dưới nhiều hình thức mà điển hình là các hợp tác xã .

b. Hình thức tồn tại :

Hình thức quan trọng của kinh tế hợp tác là hợp tác xã . Kinh tế hợp tác xã là những hình thức liên kết kinh tế có pháp nhân , tuân thủ những nguyên tắc , có tổ chức chặt chẽ và điều lệ hoạt động rõ ràng Kinh tế HTX được phát triển dưới nhiều hình thức đa dạng từ thấp đến cao , từ nhóm tổ đến HTX theo nguyên tắc tự nguyện , bình đẳng cùng có lợi.

Trong những năm đổi mới kinh tế HT có những biến đổi căn bản:

Hộ nông dân được coi là đơn vị kinh tế tự chủ , ruộng đất được giao sử dụng lâu dài. Thực tế xuất hiện những hình thức hợp tác xã giản đơn, từng khâu như hợp tác xã cổ phần, hợp tác xã dịch vụ đầu vào, đầu ra phục vụ cho kinh tế hộ và kinh tế trang trại phát triển.

c. Thực trạng và xu thế phát triển.

Các hợp tác xã kiểu cũ bước sang cơ chế mới đã ngày càng bộc lộ tính không phù hợp. Trong thời gian từ năm 1986 đến 1996 đã giải thể 3623 HTX và

37787 tập đoàn sản xuất nông nghiệp, trên 42 nghìn HTX tín dụng. Số hợp tác xã còn lại tuy không giải thể nhưng phần lớn tồn tại trên danh nghĩa. Năm 1996 là thời điểm kết thúc mô hình HTX kiểu cũ chuyển sang thời kỳ xây dựng và phát triển HTX theo mô hình mới, đánh dấu bằng việc ban hành luật HTX tháng 3 năm 1996.

d. Vai trò và tác dụng:

*TPKTTT là trợ thủ đắc lực cho thành phần kinh tế nhà nước ở nông nghiệp và nông thôn. Kinh tế tập thể đã có vai trò không nhỏ trong nền kinh tế quốc dân. Các HTX và tập đoàn sản xuất trong nông nghiệp đóng vai trò chủ yếu trong sản xuất lương thực, thực phẩm nguyên liệu nông nghiệp và cho công nghiệp chế biến và nông sản xuất khẩu. Kinh tế tập thể trong công nghiệp có những năm đã tạo ra trên 40% giá trị tổng sản lượng của toàn ngành công nghiệp. Khối lượng hàng hóa và hành khách do kinh tế tập thể thực hiện hàng năm thường bằng trên dưới 30% khối lượng vận chuyển của vận tải quốc doanh. Thương nghiệp tập thể trong nhiều năm trước đây đảm nhận khoảng 15% tổng mức bán lẻ trên thị trường (số liệu từ năm 90 trở về trước)

*Hạn chế:

Kinh tế tập thể cũng có những bước phát triển do cải tạo nóng vội, gượng ép và vi phạm nguyên tắc cơ bản của hợp tác hóa là tự nguyện.

Khi đổi mới cơ chế quản lý, bao cấp bị cắt giảm, kinh tế quốc doanh trì trệ thì kinh tế tập thể lâm vào tình trạng sa sút là không thể tránh khỏi.

Quá trình hình thành chưa được chuẩn bị kỹ, khi hoạt động lại dựa vào kinh tế quốc doanh, trang bị đơn giản, trình độ tổ chức sản xuất kinh doanh yếu kém. Sản xuất chất lượng kém, dịch vụ đơn giản và chất lượng phục vụ thấp.

Tuy vậy do xây dựng mô hình HTX kiểu mới nên kinh tế tập thể cùng với